TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2022/HS-ST
Ngày: 08 - 8 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mão

Ông Hoàng Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Phương Liên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/HSST-QĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị Ng (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1978 tại N. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn Đ, xã NP, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Ngõ 125, đường Tr, phố TS, phường BĐ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huy Ng1 và bà Nguyễn Thị X (Đã chết); có chồng Vũ Thành B và 02 con, con lớn đã thành niên, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự : Không; nhân thân: Ngày 18/01/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường NS ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, chấp hành xong ngày 24/01/2018; bị tạm giữ từ ngày 22/9/2021 đến ngày 24/9/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay; "có mặt".

2. Họ và tên: Nguyễn Thành Tr (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1976 tại N. Nơi cư trú: Phố TL, phường NS, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp:

Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M (Đều đã chết); có vợ Đoàn Thị O và 02 con, con lớn đã thành niên, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án (1): Bản án số 114/2019/HSST ngày 04/10/2019, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xử phạt 25.000.000 đồng về tội "Đánh bạc", chấp hành xong ngày 4/10/2021; tiền sự : Không; bị tạm giữ từ ngày 22/9/2021 đến ngày 24/9/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, đến ngày 20/12/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh" đến nay; "có mặt".

3. Họ và tên: Phạm Văn K (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1972 tại N. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Phố HP, phường NK, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Phố TP, phường TT, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị Ng1; có vợ Ninh Thị T2 và 02 con đều đã thành niên; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/9/2021 đến ngày 24/9/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay; "có mặt".

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K: Ông Phạm H - Luật sư Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: Văn phòng Luật sư H, số 49, đường 2, phố Phúc Ninh, phường Phúc Thành, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; "có mặt".

4. Họ và tên: Đặng Thị H1 (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1976 tại N. Nơi cư trú: Phố H, phường BĐ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Viết Ch và con bà Nguyễn Thị D (Đã chết); có chồng Hà Duy L1 và 03 con, con lớn đã thành niên, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự : Không; nhân thân: Bản án số 05/2009/HSST ngày 19/01/2009, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 7 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong ngày 31/01/2017; bị tạm giữ từ ngày 22/9/2021 đến ngày 24/9/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay; "có mặt".

5. Họ và tên: Phạm Thị L2 (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1985 tại N. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm NT, xã YP, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: phố TS, phường BĐ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H2 (Đã chết) và con bà Trần Thị H3; có chồng Nguyễn Văn G và 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự : Không; bị tạm giữ từ ngày 22/9/2021 đến ngày 24/9/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay; "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1968; nơi cư trú: Phố C, phường NB, thành phố N, tỉnh Ninh Bình;

"vắng mặt".

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn Th "có mặt"

Anh Nguyễn Văn L2 "vắng mặt"

- *Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng*: Ông Nguyễn Tiến Tài - Cán bộ điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Phạm Văn K, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 có quan hệ bạn bè xã hội. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/9/2021, Ng đang ở phòng trọ tại ngõ 125, đường Tr, phố TS, phường BĐ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình thì L2, H1, K lần lượt đến phòng trọ của Ng chơi. Ng rủ H1, L2, K đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền, tất cả đồng ý. Ng đi mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân mang về phòng rồi tất cả ngồi xuống chiếu trong phòng trọ của Ng đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền. Ng, H1, L2, K thống nhất cách chơi như sau: Sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài chia cho 04 người chơi, người chia bài được 10 lá bài, mỗi người còn lại được 09 lá bài, đánh lần lượt theo vòng tròn, ai chia bài được đánh trước 01 lá bài, người đánh kế tiếp có thể ăn lá bài người trước đánh để tạo thành "Phỏm", nếu không ăn thì bốc 01 lá bài mới. Một "Phỏm" là 03 lá bài trở lên giống nhau hoặc liền nhau cùng chất rô, cơ, nhép, bích; người chơi được 03 phỏm là "Ù", người chơi không có phỏm nào là "Cháy", người chơi bị ăn lá bài đánh ra ở vòng cuối cùng trước khi kết thúc ván bài là "Chốt". Khi 04 người chơi đánh được 04 lá bài thì kết thúc ván bài, người chơi sẽ tính điểm theo tổng số lá bài còn lại, ai ít điểm nhất thì thắng và được ăn tiền của người về nhì là 20.000 đồng, người về ba là 40.000 đồng, người về cuối cùng là 60.000 đồng. Người nào "Ù" sẽ được của mỗi người còn lại số tiền 100.000 đồng, người bị "Cháy" sẽ trả cho người thắng số tiền 80.000 đồng; người "ăn chốt" sẽ được nhận số tiền 80.000 đồng. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày Nguyễn Thành Tr và Nguyễn Văn L2 đến phòng trọ của Ng chơi, thấy mọi người đang đánh bạc Tr xin tham gia chơi cùng. Ng nghỉ không chơi nữa, Tr ngồi xuống chỗ của Ng đánh bạc cùng H1, L2, K còn Ng và L2 ngồi xem. H1, L2, K, Tr ngồi đánh bạc đến 16 giờ cùng ngày thì bị Tổ công tác đội cảnh sát hình sự Công an thành phố N phối hợp với Công an phường BĐ tuần tra kiểm soát trên địa bàn phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền trên chiếu các đối tượng đang sử dụng để đánh bạc là: 1.010.000 đồng, trong đó của K là 490.000 đồng, Tr là 220.000 đồng, H1 là 300.000 đồng; thu giữ tiền trong ví trước mặt K là 3.060.000 đồng; thu trong người các đối tượng 3.157.000 đồng, trong đó: của L2 là 119.000 đồng, K là 200.000 đồng, Tr là 1.000.000 đồng, Ng là 1.838.000 đồng. L2, Tr khai nhận sử dụng hết số tiền trong người sử dụng để đánh bạc, tại biên bản bắt người phạm tội qủa tang và trong giai đoạn tạm giữ K khai sử dụng toàn bộ số tiền trong người,

trong ví vào việc đánh bạc; Ng khai nhận sử dụng 838.000 đồng trong người vào việc đánh bạc. Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 6.227.000 đồng, trong đó Ng sử dụng 258.000 đồng, Tr sử dụng 800.000 đồng, K sử dụng 4.760.000 đồng, H1 sử dụng 320.000 đồng, L2 sử dụng 89.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 ví da mầu nâu trên ví có chữ Levis của Phạm Văn K, 01 ví da mầu nâu có dòng chữ Cefiro bên trong ví có 4.000.000 đồng của Nguyễn Văn L2, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 35B2-631.91 bên trong cốp xe có 1.500.000 đồng của Đặng Thị H1.

Quá trình điều tra xác định Phạm Văn K đã từng điều trị bệnh tâm thần tại Bệnh viện quân y 103, tại trung tâm phục hồi chức năng tâm thần N và bệnh viện tâm thần trung ương. Ngày 08/12/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra quyết định trưng cầu giám định số 266 trưng cầu Viện pháp y tâm thần trung ương giám định trước, trong và sau khi thực hiện hành vi đánh bạc ngày 22/9/2021 và hiện tại Phạm Văn K có bị bệnh tâm thần không, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của K tại các thời điểm trên. Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 22 ngày 15/01/2022 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi đánh bạc ngày 22/9/2021 và tại thời điểm giám định Phạm Văn K bị bệnh tâm thần phân liệt thể Paranoid. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F20.0; Tại các thời điểm trên bệnh ở giai đoạn ổn định. Bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản cáo trạng số 70/CT-VKSNDTPNB ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Phạm Văn K, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố. Riêng bị cáo Phạm Văn K trong phần thủ tục hỏi tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi tham gia đánh bạc cùng với Ng, Tr, H1, L2 nhưng xác định số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc là 1.760.000 đồng, bị cáo không sử dụng số tiền 3.000.000 đồng trong ví để đánh bạc, do đây là tiền của bà Nguyễn Thị H4 đưa nhờ bị cáo làm thủ tục phân chia di sản. Khi cơ quan công an phát hiện bắt quả tang do sợ hãi nên bị cáo khai nhận sử dụng toàn bộ số tiền trong ví để đánh bạc là không chính xác, trong thời gian bị tạm giữ, bị cáo đề nghị được thay đổi lời khai nhưng cán bộ điều tra đe không cho bị cáo thay đổi lời khai, sử dụng người nhà bị cáo tác động để bị cáo không thay đổi lời khai. Tại phần tranh luận, bị cáo thừa nhận sử dụng số tiền 4.760.000 đồng để đánh bạc.

Tại phiên tòa, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra ông Nguyễn Tiến Tài trình bày: Trong quá trình Phạm Văn K bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an thành phố N, ông Tài đã có 03 lần làm việc với Phạm Văn K:

Lần 1 vào hồi 07 giờ 45 phút ngày 23/9/2021 làm việc để giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý cho K. Lần 2 vào hồi 14 giờ ngày 23/9/2021 ông Tài tiến hành lấy lời khai đối với K. Lần 3 vào hồi 17 giờ 15 phút ngày 24/9/2021, ông Tài tiếp tục lấy lời khai của Phạm Văn K, cùng làm việc có bà Nguyễn Thị Phượng kiểm sát viên. Tại buổi lấy lời khai người tiến hành tố tụng có ông Tài, bà Phượng, ngoài ra không còn ai khác. Quá trình lấy lời khai không có việc ép cung, dùng nhục hình, ông Tài không có hành động, lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm của K. Kết thúc buổi lấy lời khai, K đã đọc lại nội dung biên bản ghi lời khai, xác nhận đúng nội dung đã khai báo và ký xác nhận vào biên bản ghi lời khai. Trong những lần làm việc với Phạm Văn K, ông Tài không nhờ ai tác động để K phải khai báo cũng như cản trở việc khai báo của K.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn Th khai: Anh và bị cáo K có mối quan hệ họ hàng. Quá trình bị cáo K bị tạm giữ, anh là họ hàng nên được người thân nhờ đưa cơm cho bị cáo K. Anh chỉ mang cơm đến đưa cho cán bộ nhà tạm giữ để gửi cho bị cáo K, anh không tiếp xúc, gặp gỡ bị cáo K. Quá trình bị cáo K bị tạm giữ và trong suốt quá trình Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành điều tra vụ án, anh không tác động để bị cáo K không thay đổi lời khai và giữ nguyên lời khai ban đầu.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án (Bút lục số 354, 355, 346, 347), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H4 khai: Bà H4 có quan hệ quen biết với Phạm Văn K. Vào khoảng tháng 6/2021, bà có đưa cho K số tiền 3.000.000 đồng để nhờ K đi liên hệ thủ tục, hướng dẫn bà làm thủ tục phân chia di sản cho bà Trần Thị Phố. Khi đưa tiền, bà và K không nói rõ là sử dụng số tiền này cụ thể như thế nào, chỉ thỏa thuận với nhau số tiền 3.000.000 đồng bà đưa để K dùng làm chi phí xăng xe đi lại, chi phí liên hệ hỏi trình tự, thủ tục tại các cơ quan chức năng. Sau khi bà H4 đưa tiền cho K thì coi là tiền của K, K chủ động chi tiêu, nếu không chi hết thì số tiền còn lại là của K. Đến tháng 7/2021, K đã đưa cho bà mẫu đơn đề nghị phân chia di sản và hướng dẫn lập hồ sơ, trình tự làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền; từ đó đến nay bà H4 và K không gặp nhau lần nào khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/9/2021 (Bút lục số 361, 362), người làm chứng anh Nguyễn Văn L2 khai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 22/9/2021, chú ruột là Nguyễn Thành Tr có chở anh vào phòng trọ của Trần Thị Ng chơi. Khi vào phòng trọ thì thấy có 04 người gồm Ng, H1, K, L2 đang đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi phỏm. Tr xin vào đánh cùng nên Ng nghỉ không chơi nữa nhường chỗ cho Tr vào đánh thay. L2 và Ng ngồi xem 04 người là Tr, H1, L2, K đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày Công an thành phố N bắt quả tang hành vi đánh bạc, thu giữ tổng số tiền là 12.727.000 đồng, bản thân anh bị thu giữ số tiền 4.000.000 đồng, do anh chỉ ngồi xem, không tham gia vào việc đánh bạc nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh số tiền 4.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo

Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Phạm Văn K, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 phạm tội "Đánh bạc" và đề nghị:

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr từ 06 đến 09 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2021 đến ngày 20/12/2021 vào thời gian chấp hành hình phạt, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị Ng từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (Ba) ngày tạm giữ (Từ ngày 22 đến ngày 24/9/2021) bằng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ; khấu trừ từ 5 đến 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt; phạt tiền bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Thị H1 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (Ba) ngày tạm giữ (Từ ngày 22 đến ngày 24/9/2021) bằng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ; khấu trừ từ 5 đến 10% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt; phạt tiền bổ sung từ 10.000.000 đến 15.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 25.000.000 triệu đến 30.000.000 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị L2 từ 20.000.000 triệu đến 25.000.000 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.227.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Trả lại bị cáo Trần Thị Ng số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Đặng Thị H1 số tiền 1.500.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Phạm Văn K, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 trình bày nhất trí với nội dung luận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo Phạm Văn K tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về việc xác định số tiền 3.000.000 đồng bị cáo sẽ sử dụng để đánh bạc, sau tranh luận bị cáo xác định sử dụng toàn bộ số tiền 4.760.000 đồng vào việc đánh bạc.

Người bào chữa phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo Phạm Văn K: xác định hành vi đánh bạc của bị cáo Phạm Văn K là bột phát do bị rủ rê, lôi kéo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình khó

khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt ở mức thấp nhất, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Phạm Văn K, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Giai đoạn điều tra, bị cáo Phạm Văn K có đơn khiếu nại gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N khiếu nại hành vi của cán bộ điều tra và việc xác định số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc. Ngày 24/10/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã có Thông báo về việc không thụ lý đơn khiếu nại do đã quá thời hiệu. Sau khi nhận được thông báo đến trước khi tiến hành phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn K không có khiếu nại nào khác, không khiếu nại đối với thông báo của cơ quan cảnh sát điều tra. Tại phiên tòa, bị cáo K khai giai đoạn điều tra bị cán bộ điều tra đe dọa không cho thay đổi lời khai nhưng bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, hơn nữa, việc lấy lời khai của bị cáo trong thời gian bị cáo bị tạm giữ ngày 23/9/2021 có Kiểm sát viên tham gia đã đảm bảo sự khách quan. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố. Riêng bị cáo Phạm Văn K khi bị bắt quả tang và trong giai đoạn tạm giữ bị cáo thừa nhận hành vi đánh bạc, khai nhận sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu giữ trong ví 3.060.000 đồng vào việc đánh bạc; sau đó bị cáo thay đổi lời khai không thừa nhận việc sử dụng số tiền 3.000.000 đồng thu giữ trong ví vào việc đánh bạc. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi hành vi đánh bạc của các bị cáo bị phát hiện, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo, ngoài những người tiến hành tố tụng, người bị bắt còn có người làm chứng, người chứng kiến, biên bản được lập hoàn toàn khách quan, tại chỗ từng bị cáo đã khai nhận số tiền đang sử dụng và sẽ sử dụng để đánh bạc. Tại Bản tự kiểm điểm ngày 22/9/2021 (Bút lục 255), Bản kiểm điểm ngày 23/9/2021 (Bút lục số

256), Biên bản ghi lời khai các ngày 22/9/2021, 23/9/2021, 24/9/2021 (Từ bút lục số 259 đến bút lục số 268) bị cáo K đã khai nhận việc sẽ sử dụng số tiền 3.000.000 đồng thu giữ trong ví vào việc đánh bạc. Sau thời gian tạm giữ và tại phiên tòa, bị cáo K khai không sử dụng số tiền 3.000.000 đồng bị thu giữ vào việc đánh bạc, lý do bị cáo đưa ra đây là tiền bà Nguyễn Thị H4 đưa cho bị cáo nhờ làm thủ tục giấy tờ phân chia di sản, trong thời gian bị cáo bị tạm giữ cán bộ điều tra đe dọa không cho thay đổi lời khai và do anh Nguyễn Văn Th tác động để bị cáo giữ nguyên lời khai. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2021 (Bút lục số 354, 355) bà Nguyễn Thị H4 xác định vào tháng 6/2021 bà có đưa cho K số tiền 3.000.000 đồng để nhờ K làm thủ tục giấy tờ phân chia di sản, đến tháng 7/2021 K đã làm xong giấy tờ giúp bà, từ đó đến nay bà không gặp K. Tại phiên tòa, người làm chứng anh Nguyễn Văn Th xác định không gặp K khi K bị tạm giữ, không có tác động để K không thay đổi lời khai, lời khai của K là không đúng. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng ông Nguyễn Tiến Tài xác định việc lấy lời khai trong giai đoạn K bị tạm giữ được tiến hành hoàn toàn khách quan, không có việc đe dọa, bức cung, dùng nhục hình, các bản khai K đều được tự đọc lại và ký xác nhận. Như vậy, những lý do bị cáo K đưa ra để thay đổi lời khai đều không có căn cứ, lời khai thay đổi không phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, không phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và tình tiết khách quan khác của vụ án. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, bị cáo K đã nhận thức và khai nhận sử dụng toàn bộ số tiền 4.760.000 đồng vào việc đánh bạc.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Phạm Văn K, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 22/9/2021 tại phòng trọ của Trần Thị Ng ở ngõ 125, đường Tr, phố TS, phường BĐ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Văn K, Phạm Thị L2 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền với số tiền sử dụng để đánh bạc là 6.227.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang. Các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Văn K, Phạm Thị L2 đều có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội đánh bạc quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

"**Điều 321. Tội đánh bạc**

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc

tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Văn K, Phạm Thị L2 về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về vị trí, vai trò; tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Vị trí, vai trò: Vụ án không có sự bàn bạc, phân công từ trước, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trần Thị Ng là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Các bị cáo Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Văn K, Phạm Thị L2 khi được rủ chơi đánh bạc, thấy chơi đánh bạc thì tích cực hưởng ứng, tham gia đánh bạc ngay, căn cứ vào số tiền sử dụng và thời gian các bị cáo tham gian đánh bạc xác định bị cáo Phạm Văn K giữ vai trò thứ hai, các bị cáo Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị Ng, Đặng Thị H1, Phạm Văn K, Phạm Thị L2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thành Tr đang có 01 tiền án về tội đánh bạc, nay tiếp tục phạm tội phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị Ng, Phạm Văn K, Phạm Thị L2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Thị L2 thành khẩn khai báo. Bị cáo Phạm Văn K giai đoạn điều tra có thay đổi lời khai nhưng sau khi tiến hành tranh tụng tại phiên tòa đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, thừa nhận việc sử dụng toàn bộ số tiền bị thu giữ vào việc đánh bạc, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội thành khẩn khai báo" đối với Phạm Văn K để thể hiện sự Kn hồng của pháp luật. Vì vậy, các bị cáo Trần Thị Ng, Phạm Thị L2, Phạm Văn K được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" "Người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1 được hưởng tình tiết "Người phạm tội thành khẩn khai báo"quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống L2 mạnh, văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, là một trong những nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Các bị

cáo đã nhận thức rõ việc rủ rê, tụ tập đánh bạc là vi phạm pháp luật, song để thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy cần có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét thấy: Bị cáo Nguyễn Thành Tr đang có 01 tiền án về tội đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, tu dưỡng, rèn luyện, sống có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục ham mê cờ bạc, sát phạt để hưởng lợi trái pháp luật vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo. Bị cáo Tr có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện không có việc làm, khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ, điều kiện hoàn cảnh gia đình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Thị Ng nhân thân đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo Đặng Thị H1 đã từng bị xét xử về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo Ng, bị cáo H1 đều có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần cách ly khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, buộc các bị cáo chấp hành hình phạt dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt và áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

Các bị cáo Phạm Văn K, Phạm Thị L2 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân chưa từng vi phạm pháp luật cần áp dụng hình phạt tiền là phù hợp, mức phạt của Phạm Văn K cao hơn so với Phạm Thị L2.

[5] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 01 ví da nam mầu nâu có chữ Levis thu giữ của Phạm Văn K, 01 ví da mầu nâu có dòng chữ Cefiro và số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của Đặng Văn L2, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda thu giữ của Đặng Thị H1. Quá trình điều tra xác định các tài sản này không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho Phạm Văn K, Nguyễn Văn L2, Hà Duy Long là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng thu giữ của Đặng Thị H1 và 1.000.000 đồng thu giữ của Trần Thị Ng, quá trình điều tra xác định số tiền trên không sử dụng vào mục đích đánh bạc, cần trả lại cho Đặng Thị H1 và Nguyễn Thị Ng theo quy định tại khoản khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Số tiền 6.227.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, thu lợi bất chính cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

52 quân bài tú lơ khơ là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để đánh bạc, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Do bị tuyên có tội nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩmtheo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành Tr;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Ng;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Thị H1;

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn K và bị cáo Phạm Thị L2;

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Văn K, Phạm Thị L2 phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr 06 (Sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2021 đến ngày 20/12/2021 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt tiền bổ sung 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Ng 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (Ba) ngày tạm giữ (Từ ngày 22 đến ngày 24/9/2021) bằng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ; Khấu trừ 5% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; Phạt tiền bổ sung 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thị H1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 (Ba) ngày tạm giữ (Từ ngày 22 đến ngày 24/9/2021) bằng 09 (Chín)

ngày cải tạo không giam giữ; Khấu trừ 5% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; Phạt tiền bổ sung 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Thị Ng, Đặng Thị H1 được tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo Trần Thị Ng, Đặng Thị H1 cho UBND phường BĐ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường BĐ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị L2 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Trả lại cho bị cáo Đặng Thị H1 số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Trần Thị Ng số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.227.000 (Sáu triệu hai trăm hai mươi bẩy nghìn) đồng.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

(Chi tiết vật chứng theo Ủy nhiệm chi ngày 29/7/2022 và Biên bản giao nhận vật chứng 29/7/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N và Chi cục thi hành án dân sự thành phố N).

3. Án phí: Buộc các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thành Tr, Đặng Thị H1, Phạm Văn K, Phạm Thị L2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND TP N (1);
- Công an TP N (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Ninh Bình (1);
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM DIỆU OANH

(Đã ký)

- Chi cục THA dân sự TP N (1);
- Bị cáo (5);
- Người bào chữa (1);
- Người có QLNV liên quan (1);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1);
- VKSND TP Ninh Bình (1);
- Công an TP Ninh Bình (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh NB (1);
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1);
- Chi cục THA dân sự TP Ninh Bình (1);
- Bị cáo (4);
- Người bào chữa (1);
- Người có QLNV liên quan (1);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Diệu Oanh

THẨ

Phạm Diệu O